

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 12- 4 - 2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Điều Thị Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Lê Xuân Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng không tham gia phiên tòa:**

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 387/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Võ Thị T; Sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 8, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Sỹ T; Sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 8, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 22/9/2020 và Biên bản lời khai nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị T và anh Nguyễn Sỹ T tự nguyện chung sống năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T sống gia trưởng không cho chị T giao tiếp với người ngoài, mặt khác mọi vấn đề trong gia đình anh T đều một mình quyết định không cho chị tham gia đóng góp ý kiến, chị T cảm thấy cuộc sống áp lực từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau, năm 2016 chị T có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó thì rút đơn quay về đoàn tụ. Sau khi quay về đoàn tụ thì cuộc sống giữa chị và anh T không cải thiện hiện nay chị

Võ Thị T thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên chị T làm đơn đề nghị Tòa án B giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Sỹ T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Sỹ Đ, sinh ngày 12/9/2011 và Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 03/5/2018. Nguyên vọng của chị T là giao hai cháu cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị Võ Thị T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

*\* Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Sỹ T vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo tài liệu có trong hồ sơ anh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Sỹ T và chị Võ Thị T tự nguyện chung sống năm 2009. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận ít khi cãi nhau, nhưng đến khi chị T đi học nghề ở Sài Gòn thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau vì chị T không ở nhà chăm sóc con cái và hay nói dối chồng con. Nguyên vọng của anh T là mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng nhau chăm sóc con cái. Tuy nhiên nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: có 02 cháu gồm Nguyễn Sỹ Đ, sinh ngày 12/9/2011 và Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 03/5/2018. Nguyên vọng của anh T là được nuôi cháu Đạt, còn cháu Th giao cho chị T nuôi, tuy nhiên chị T không nuôi được cháu Th thì anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Th và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Sỹ T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Võ Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Sỹ T theo quy định. Do bị đơn anh Nguyễn Sỹ T có nơi cư trú tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Về mâu thuẫn gia đình: chị T và anh T chung sống với nhau từ năm 2009. Hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án chị T và anh T đã thừa nhận vợ chồng anh chị có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân bắt nguồn từ cả hai bên, chị T cho rằng mâu thuẫn xảy ra từ năm 2016 do anh T sống quá gia trưởng, không cho chị T giao lưu với bên ngoài. Vì vậy anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Anh T thì cho rằng mâu thuẫn từ khi chị T đi học nghề ở Sài Gòn không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Dẫn đến mâu thuẫn của cả hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung thường xuyên cãi vã, hôn nhân không còn hạnh phúc. Như vậy chị T và anh T đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn tin tưởng nhau, không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nay chị T yêu cầu ly hôn, bị đơn anh T đồng ý nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[2] Về con chung: có 02 cháu gồm Nguyễn Sỹ Đ, sinh ngày 12/9/2011 và Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 03/5/2018. Hiện nay 2 cháu đang sống cùng anh T. Anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 cháu, chị T đồng ý với yêu cầu của anh T nên cần giao 02 con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của các bên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu theo luật định.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T về việc ly hôn. Chị Võ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Sỹ T.

[2]. Về con chung: giao 02 con chung là Nguyễn Sỹ Đ, sinh ngày 12/9/2011 và Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 03/5/2018 cho anh Nguyễn Sỹ T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 015641 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Điêu Thị Hạnh**